

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 27- 4- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Phạm Văn D

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự, nhân thân: Ngày 16/3/2018 Công an huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2018; có mặt.

- Bị hại: Anh Lương Quang T, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A nhận được đơn trình báo của anh Lương Quang T, sinh năm 1993, ở Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng về việc vào chiều ngày 18 tháng 01 năm 2018, anh

bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen tại quán Internet Phoneix thuộc Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Qua rà soát camera xác định Trần Thị T, sinh năm 1987, cư trú tại Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại nói trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã triệu tập Trần Thị T đến trụ sở để làm việc.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Trần Thị T khai nhận:

Khoảng 17 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2018, T đi bộ một mình đến quán Internet Phoneix. Tại đây, T phát hiện thấy trên máy chơi xèng của quán có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen đang sạc pin. Thấy không có người trông coi điện thoại, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu sài. Lợi dụng lúc không ai để ý, T dùng tay phải tháo điện thoại ra khỏi dây sạc và cất vào túi quần bên phải rồi nhanh chóng rời khỏi quán. Khi ra khỏi quán, T gọi điện cho Trần Thị D, sinh năm 1979, ở Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng cùng đi bán điện thoại, D đồng ý. Sau đó, T và D đi xe ôm đến cửa hàng mua bán điện thoại Quang Thắng ở thôn An Dương, xã An Đồng, huyện A, thành phố Hải Phòng bán chiếc điện thoại trên cho anh Vũ Ngọc Q, là chủ cửa hàng điện thoại với giá 2.400.000đ. T đã mua của anh Q 01 điện thoại di động Iphone 4s màu trắng với giá 900.000đ và nhận lại từ anh Q số tiền 1.500.000đ. Số tiền này T sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A ngày 20 tháng 01 năm 2018 kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung -Galaxy J7, màu đen, đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, chất lượng còn lại khoảng 80-82%, có giá trị 4.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSAD ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị T khai nhận về hành vi trộm cắp điện thoại của anh Lương Quang T như nội D cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản là do một mình bị cáo thực hiện, không có ai tham gia cùng.

Công bố lời khai của bị hại Lương Quang T có nội D như bị cáo khai nhận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lương Quang T đã nhận lại tài sản nguyên vẹn và không có yêu cầu gì khác nên không xét. Anh Vũ Ngọc Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 4S màu trắng.

Buộc bị cáo Trần Thị T nộp lại 1.500.000đ tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả cho anh Lương Quang T là chủ sở hữu quản lý, sử dụng nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Hội đồng xét xử xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị T đã có hành vi lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 tại quán Internet Phoneix của anh Lương Quang T. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Tài sản bị cáo Trần Thị T chiếm đoạt là một chiếc điện thoại trị giá 4.000.000đ nên hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương, bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy phải xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nguyên nhân phạm tội là do bị cáo nợ tiền của người khác không có tiền trả nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về các vấn đề khác:

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lương Quang T đã nhận lại tài sản nguyên vẹn, không có yêu cầu bồi thường dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét. Anh Vũ Ngọc Q không yêu cầu bị cáo Trần Thị T phải bồi thường dân sự nên không xét.

[10] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả cho anh Lương Quang T là chủ sở hữu quản lý, sử dụng nên không xét. Đối với chiếc điện thoại Iphone 4S màu trắng bị cáo T mua của anh Vũ Ngọc Q từ số tiền bán chiếc điện thoại trộm cắp của anh Lương Quang T, là tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 1.500.000đ là tiền do bán điện thoại trộm cắp bị cáo đã sử dụng hết đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước

[11] Ngoài hành vi trộm cắp tài sản ngày 18 tháng 01 năm 2018, bị cáo T còn có hành vi trộm cắp tài sản là 01 cây đào cảnh của anh Lê Văn L ở thôn K, xã Đ, huyện A, Hải Phòng vào ngày 08 tháng 02 năm 2018. Xét nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trị giá cây đào là 1.500.000đ nên Công an huyện A đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này là có căn cứ.

[12] Đối với Vũ Ngọc Q là người mua chiếc điện thoại di động của T và Trần Thị D là người được T rủ đi cùng để bán chiếc điện thoại nhưng anh Q và chị D không biết tài sản này do T trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[13] Đối với hành vi của Trần Thị D không khai báo với cơ quan Công an về việc Trần Thị T đã trộm cắp tài sản. Do hành vi trộm cắp tài sản của Trần Thị T bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên hành vi không tố giác tội phạm của Trần Thị D không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt: Trần Thị T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 4S màu trắng (tình trạng, đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 4 năm 2018). Buộc bị cáo nộp lại 1.500.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Phòng PV 27; Phòng PC 81; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh

